

Số: 190/2020/QĐST - HNGĐ

TP. Thanh Hóa, ngày 02 tháng 7 năm 2020.

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213, 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ vào Luật phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ vào Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 235/2020/TLST- HNGĐ ngày 08 tháng 6 năm 2020 về việc: Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, nuôi con khi ly hôn; gồm người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

1. Chị Lê Thị T - Sinh năm 1983.

Địa chỉ: Đường N, phường Đ, thành phố T, tỉnh Thanh Hóa.

2. Anh Nguyễn Xuân T - Sinh năm 1978.

Địa chỉ: Thôn 3, xã A, thành phố T, tỉnh Thanh Hóa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Tại biên bản hòa giải đoàn tụ không thành ngày 24 tháng 6 năm 2020, các đương sự đã thỏa thuận với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ việc dân sự, nội dung cụ thể như sau:

[1] Về hôn nhân: Chị Lê Thị T và anh Nguyễn Xuân T kết hôn năm 2004 trên cơ sở tự nguyện, có tìm hiểu, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện H, tỉnh Thanh Hóa (nay là xã A, thành phố T). Quá trình vợ chồng chung sống hạnh phúc được 16 năm, thì đến tháng 01/2020 phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng không hợp nhau luôn bất đồng quan điểm sống, nên vợ chồng thường hay cãi vã nhau, nên vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 03/2020 đến nay không ai quan tâm và

có trách nhiệm đến nhau. Nay anh, chị đều xét thấy tình cảm không còn mục đích hôn nhân không đạt yêu cầu Tòa án công nhận sự thuận tình ly hôn. Xét việc thuận tình ly hôn là hoàn toàn tự nguyện phù hợp với quy định của pháp luật nên công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Lê Thị T và anh Nguyễn Xuân T.

[2] Về con chung: Chị T và anh T thống nhất vợ chồng có 02 con chung là cháu Nguyễn Thị Huyền T sinh ngày 21/7/2004 và cháu Nguyễn Minh C sinh ngày 30/12/2006. Ly hôn anh, chị thống nhất việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con như sau:

Anh Nguyễn Xuân T trực tiếp nuôi dưỡng hai cháu Nguyễn Thị Huyền T và cháu Nguyễn Minh C, chị Lê Thị T tự nguyện cấp dưỡng tiền nuôi con chung mỗi tháng 1.500.000đ/1 tháng/1cháu (02 cháu = 3.000.000đ/1 tháng), thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 7/2020 cho đến khi hai cháu thành niên.

[3] Về tài sản, công nợ chung: Chị T và anh T thống nhất không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về lệ phí Tòa án: Anh, chị thỏa thuận chị T chịu tiền lệ phí dân sự sơ thẩm theo qui định.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- *Về quan hệ hôn nhân:* Công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Lê Thị T và anh Nguyễn Xuân T.

- *Về con chung:* Chị T và anh T thống nhất vợ chồng có 02 con chung là cháu Nguyễn Thị Huyền T sinh ngày 21/7/2004 và cháu Nguyễn Minh C sinh ngày 30/12/2006. Ly hôn anh, chị thống nhất việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con như sau:

Anh Nguyễn Xuân T trực tiếp nuôi dưỡng hai cháu Nguyễn Thị Huyền T và cháu Nguyễn Minh C, chị Lê Thị T tự nguyện cấp dưỡng tiền nuôi con chung mỗi tháng 1.500.000đ/1 tháng/1cháu (02 cháu = 3.000.000đ/1 tháng), thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 7/2020 cho đến khi hai cháu thành niên.

Chị T được quyền đi lại thăm nom con chung, không ai được cản trở.

- *Về tài sản, công nợ chung:* Hai bên không yêu cầu tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí Tòa án: Chị Lê Thị T chịu 300.000đ lệ phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí chị đã nộp 300.000đ theo biên lai thu số AA/2018/00001094 ngày 02/6/2020 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố T (chị

T đã nộp đủ lệ phí).

Quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND thành phố T;
- UBND xã A, thành phố T.
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

(Đã ký)

Nguyễn Thị Lan Anh